TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **55**/2025/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Nam, ngày 14 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 93/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh Tạ Thanh Q, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2/ Chị Trịnh Thị Tuyết N, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Số 396 đường N1, phường L, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, anh Tạ Thanh Q và chị Trịnh Thị Tuyết N đã thống nhất thuận tình ly hôn; Về con chung: Anh Q và chị N có một con chung họ tên là Tạ Thiên A1, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2023, hiện đang sống chung với anh Q. Anh Q và chị N thống nhất thoả thuận sau khi ly hôn con chung giao cho anh Q trực tiếp nuôi, chị N tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Anh Q và chị N thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản; Về nợ chung: Anh Q và chị N thống nhất không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết; Về lệ phí Tòa án: Anh Q và chị N có nghĩa vụ chịu theo quy định pháp luật.

[2] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Thanh Q và chị Trịnh Thị Tuyết N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cháu Tạ Thiên A1, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2023, giao cho anh Q trực tiếp nuôi, chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Q và chị N thống nhất không có, không yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Q và chị N thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do anh Q và chị N có nghĩa vụ chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh, chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 00011604 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện MCN (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện MCN (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu HS, VP (3b). TC:10b.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Thị Kim Ngân